

CHƯƠNG 16

एवं मनोधारणया क्रमेण व्यपोह्य किञ्चित्समुपोह्य किञ्चित् ।

ध्यानानि चत्वार्यधिगम्य योगी प्राप्नोत्यभिज्ञा नियमेन पञ्च ॥ १ ॥

"Như vậy với sự tu tập về tám đứng theo thứ lớp, sau khi đã đoạn trừ một pháp và đạt được một pháp khác, kể đó là thành tựu bốn tầng thiền định, rồi hành giả sẽ đạt đến năm phép thần thông* tùy theo khả năng." (1)*

ऋद्धिप्रवेकं च बहुप्रकारं परस्य चेतश्चरितावबोध ।

अतीतजन्मस्मरणं च दीर्घं दिव्ये विशुद्ध श्रुतिचक्षुषी च ॥ २ ॥

"Có nhiều loại thần thông thù thắng: Sự biết rõ tâm tư suy nghĩ của người khác, sự nhớ lại những lần tái sinh trong quá khứ xa xăm, và việc có khả năng nghe và thấy xuyên thấu và siêu phàm." (2)

अतःपरं तत्त्वपरीक्षणेन मनो दधात्यास्रवसंक्षयाय ।

ततो हि दुःखप्रभृतीनि सम्यक्त्वारि सत्यानि पदान्यवैति ॥ ३ ॥

"Theo sau đó, với sự nhận thức rõ được bản thể, tám của vị ấy đạt đến sự hủy diệt hoàn toàn dòng nước của sự tái sinh; bởi vì theo tiến trình, vị ấy nhận thức được bốn điều Chân-lý là những sự việc có liên quan đến khổ đau." (3)*

बाधात्मकं दुःखमिदं प्रसक्तं दुःखस्य हेतुः प्रभवात्मकोऽयं ।

दुःखक्षयो निःसरणात्मकोऽयं त्राणात्मकोऽयं प्रशमाय मार्गः ॥ ४ ॥

" 'Đây là khổ' có bản chất là sự hành hạ; 'Đây là nguyên nhân của khổ' có bản chất là nguồn gốc sanh khổ; 'Đây là sự diệt khổ' có bản chất là sự thoát ly; 'Đây là con đường đưa đến sự an tịnh' có bản chất là sự bảo vệ. " (4)

इत्यार्यसत्त्वान्यवबुध्य बुद्ध्या चत्वारि सम्पक् प्रतिविध्य चैव ।

सर्वास्रवान् भावनयाभिभूय न जायते शान्तिमवाप्य भूयः ॥ ५ ॥

"Như vậy, nhờ vào trí tuệ sáng suốt, sau khi đã chứng ngộ được Bốn Chân-lý cao thượng, đồng thời hiểu biết được sự tổng hợp của bốn điều này, vị ấy vượt qua tất cả các giòng nước đưa đến tái sanh nhờ vào tâm thiền định, rồi đạt đến sự Tịch-tĩnh* và không còn bị tái sanh trở lại nữa." (5)

अबोधतो ह्यप्रतिवेधतश्च तत्त्वात्मकस्यास्य चतुष्टयस्य ।

भवान्द्रव्यं याति न शान्तिमेति संसारदोलाग्रधिरुद्ध लोकः ॥ ६ ॥

"Bởi vì, do sự không chứng ngộ và không hiểu biết được bốn điều liên quan đến bản chất của sự thật của thế gian, nên vị ấy, sau khi bị bước vào chiếc đu quay của sự luân hồi, sẽ còn bị tái sanh đi tái sanh lại và sẽ không đạt được sự Tịch-tĩnh." (6)

तस्माज्जरादेर्व्यसनस्य मूलं समासतो दुःखमवेद्दि जन्म ।

सर्वैषधीनामिव भूर्वाय सर्वापदां क्षेत्रमिदं हि जन्म ॥ ७ ॥

“Do đó, một cách tổng quát, để hãy nhận thức rằng sanh tức là khổ và là nguồn gốc của các tai họa như sự già, v.v... Bởi vì, sự sanh là điều kiện để cho tất cả các khổ đau phát khởi, tương tự như một đất này là cánh đồng để cho tất cả các loài thảo mộc sanh trưởng.” (7)

यज्जन्म रूपस्य हि सेन्द्रियस्य दुःखस्य तन्नैकविधस्य जन्म ।

यः संभवथास्य समुच्छ्रयस्य मृत्योश्च रोगस्य च संभवः सः ॥ ८ ॥

“Bởi vì sự sanh ra cái cơ thể với những giác quan đồng nghĩa với sự sanh lên khổ đau vô số kể. Và nguyên nhân đưa đến sự sanh này cũng là nguyên nhân đưa đến sự chết và bệnh hoạn.” (8)

सद्वाप्यसद्वा विषमिश्रमन्नं यथा विनाशाय न धारणाय ।

लोके तथा तिर्यगुपर्यधो वा दुःखाय सर्वं न सुखाय जन्म ॥ ९ ॥

“Giống như thuốc ỏn, cho dù ngon hay dở, nhưng khi đã được trộn lẫn với thuốc độc rồi sẽ đem lại sự hủy hoại chứ không phải sự nuôi dưỡng; tương tự như thế, tất cả mọi sự sanh ra trong thế gian, cho dù ở cảnh giới trên hay dưới, đều đưa đến nỗi khổ đau chứ không phải niềm vui sướng.” (9)

जरादयो नैकविधा प्रजानां सत्यां प्रवृत्तौ प्रभवन्त्यनर्थाः ।

प्रवात्सु घरेष्वपि मारुतेषु न ह्यप्रसूतास्तरबध्नन्ति ॥ १० ॥

“Trong khoảng thời gian chúng sinh được sanh ra và lớn lên thì vô số hiểm họa như sự già, v.v... cũng xuất hiện theo; bởi vì, nếu cây cối chưa được mọc lên thì đâu có bị lay động bởi các cơn gió, cho dù ngọn gió thổi qua có lớn mạnh đi chăng nữa.” (10)

आकाशयोनिः पवनो यथा हि यथा शमीगर्भशयो हुताशः ।

आपो यथान्तर्वसुधाशयाश्च दुःखं तथा चित्तशरीरयोनि ॥ ११ ॥

"Và tương tự như việc ngọn gió có nguồn gốc là không khí, lửa thì tiềm tàng trong ruột gỗ sa-mi*, nước thì ẩn trong lòng đất; cũng như thế ấy, khổ đau có nguồn gốc ở thân và tâm." (11)

अपां द्रवत्वं कठिनत्वमुर्ज्या वायोश्चलत्वं ध्रुवमौष्ण्यग्रेः ।

यथा स्वभावो हि तथा स्वभावो दुःखं शरीरस्य च चेतसश्च ॥ १२ ॥

"Và tương tự như bản chất của nước là lưu chuyển, của đất là cứng rắn, của lửa là luôn nóng; cũng y như thế, bản chất của thân và tâm này là sự khổ đau." (12)

काये सति व्याधिजरादि दुःखं क्षुत्तर्षवर्षोष्णहिमादि चैव ।

रूपाश्रिते चेतसि सानुबन्धे शोकारतिकोद्यभयादि दुःखं ॥ १३ ॥

"Trong khi thân này hiện hữu, khổ đau như là sự bệnh hoạn, già cỗi, v.v... luôn cả sự đói, khát, mưa, nóng, lạnh, v.v... cũng xuất hiện. Khi tâm thức nương tựa và bám víu lấy cái thể xác này thì khổ đau như sầu, buồn, giận, sợ hãi, v.v... cũng xuất hiện." (13)

प्रत्यक्षमालोक्य च जन्मदुःखं दुःखं तथातीतमपीति विद्धि ।

यथा च तद्दुःखमिदं च दुःखं दुःखं तथानागतमप्यवेहि ॥ १४ ॥

"Và khi đã tận mắt thấy được sự khổ đau của sự sanh rồi, đệ hãy biết rằng sự khổ đau cũng đã hiện diện y như thế trong quá khứ. Và giống như sự khổ đau ấy hay sự khổ đau này, đệ hãy biết rằng cũng sẽ có sự khổ đau tương tự trong tương lai." (14)

बीजस्वभावो हि यथेह दृष्टो भूतोऽपि भव्योऽपि तथानुमेयः ।

प्रत्यक्षतश्च ज्वलनो यथोष्णो भूतोऽपि भव्योऽपि तथोष्ण एव ॥ १५ ॥

“Bởi vì, giống như bản chất tự nhiên của hạt giống đã được nhận thấy vào trong lúc này đây, trong thời quá khứ hoặc thời vị lai cũng như thế ấy mà suy nghiệm ra được. Hoặc là ngọn lửa được nhận biết là nóng như thế nào, thì trong thời quá khứ hoặc thời vị lai cũng nóng như thế ấy.” (15)

तन्नामरूपस्य गुणानुरूपं यत्रैव निर्वृत्तिरुदारवृत्त ।

तत्रैव दुःखं न हि तद्विमुक्तं दुःखं भविष्यत्यभवद्भवेद्वा ॥ १६ ॥

“Này đây là kẻ có tư cách quý phái kia, tùy thuộc vào bản chất, ngay chính ở nơi nào có sự sanh lên của thân và tâm này, ở nơi đó có sự khổ đau, và không thể nào tránh khỏi sự khổ đau ấy; bởi vì sự khổ đau có mặt trong cả ba thời quá khứ, hiện tại, và vị lai. ” (16)

प्रवृत्तिदुःखस्य च तस्य लोके तृष्णादयो दोषगणा निमित्त ।

नैवेश्वरो न प्रकृतिर्न कालो नापि स्वभावो न विधिर्यहृच्छा ॥ १७ ॥

“Và nguyên do sanh khởi của sự khổ đau này trong thế gian chính là tập hợp của các sự ô nhiễm dẫn đầu là lòng tham ái, chứ chẳng phải là đấng Vạn-năng, hay đấng Tạo-hóa, cũng chẳng phải là thần chết, cũng chẳng phải do tự nhiên, cũng chẳng phải do số mệnh hoặc sự hên xui.” (17)

ज्ञातव्यमेतेन च कारणेन लोकस्य दोषभ्य इति प्रवृत्तिः ।

यस्मान्निव्रयन्ते सरजस्तमस्का न जायते बीतरजस्तमकः ॥ १८ ॥

"Chính vì lý do đó, đệ cần hiểu được rằng sự vận hành của thế gian bắt nguồn từ các điều ô nhiễm. Bởi thế, những kẻ nào còn bị chi phối của lòng ái luyến và sự si mê sẽ phải chết (rời đi tái sanh); còn người đã dứt bỏ được lòng ái luyến và sự si mê rồi sẽ không còn tái sanh lại nữa." (18)

इच्छाविशेषे सति तत्र तत्र यानासनादेर्भवति प्रयोगः ।

यस्मादतस्तत्तर्षवशात्तथैव जन्म प्रजानामिति वेदितव्यं ॥ १९ ॥

"Khi sự ước muốn có điều khác biệt thế này thế khác hiện hữu, thời có sự gắn liền với các hành động như đi, ngồi, v.v... Do đó, cũng tương tự như thế ấy, phát xuất từ năng lực của lòng tham ái mà có sự sanh ra của các loài sinh vật; đó là điều đệ cần phải hiểu rõ." (19)

सत्त्वान्यभिष्वङ्गशानि दृष्ट्वा स्वजातिषु प्रीतिपराण्यतीव ।

अभ्यासयोगाहुषपादितानि तैरेव दोषैरिति तानि विद्धि ॥ २० ॥

"Sau khi hiểu được rằng việc chúng sinh tự nguyện trôi buộc vô cùng chặt chẽ vào sự luyến ái và các niềm khoái lạc khác nhau theo những phương thức riêng của mỗi cá nhân, đệ cần biết rằng chính bởi những sự ô nhiễm ấy, phát xuất từ những sự thực hành đã thành thói quen, mà chúng sinh phải chịu sự tái sanh." (20)

क्रोधप्रह्वादिभिराश्रयाणामुत्पद्यते चेह यथा विशेषः ।

तथैव जन्मस्वपि नैकरूपो निर्बतति क्लेशकृतो विशेषः ॥ २१ ॥

"Và giống như việc có sự khác biệt của các chúng sinh được sanh lên trong thế gian này do nhân sân hận, tham đắm, v.v...tương tự như thế ấy, có sự khác biệt với

“nhiều hình thức gây nên bởi sự ô nhiễm cũng được sinh lên, mặc dầu đã trải qua những lần tái sinh.” (21)

दोषाधिके जन्मनि तीव्रदोष उत्पद्यते रागिणि तीव्ररागः ।

मोहाधिके मोहबलाधिकश्च तदल्पदोषे च तदल्पदोषः ॥ २२ ॥

“Trong sự tái sinh có nhân sản hận vượt trội thì sự sản hận mãnh liệt sẽ được sinh khởi, có sự ôi luyến thì sự ôi luyến mãnh liệt sẽ được sinh khởi, có sự si mê vượt trội thì sự nổi bật về năng lực của sự si mê sẽ được sinh khởi; còn trong trường hợp có nhân sản hận là ít ôi thì sự sinh lên chỉ có chút ít sản hận.” (22)

फलं हि यादृक् समवैति साक्षात्तदागमाद्वीजमवैत्यतीतं ।

अवेत्य बीजप्रकृतिं च साक्षादनागतं तत्फलमभ्युपैति ॥ २३ ॥

“Bởi vì, khi một người nhìn thấy tận mắt một loại trái cây như thế nào, chính nhờ vào hình dạng của loại trái cây người ấy biết được thứ hạt giống đã được gieo trong quá khứ. Khi người ấy đã tận mắt xác định được tính chất của hạt giống rồi, người ấy liền tưởng được loại trái cây của hạt giống đó trong tương lai.” (23)

दोषक्षयो जातिषु यासु यस्य वैराग्यतस्तासु न जायते सः ।

दोषाशयस्तिष्ठति यस्य यत्र तस्योपपत्तिर्विवशस्य तत्र ॥ २४ ॥

“Trong những lần tái sinh như thế, nếu một người đoạn tận được các sự ô nhiễm, người ấy không còn đi tái sinh trong những lần kế tiếp, vì không còn tham ôi nữa. Và trong trường hợp một người có sự ô nhiễm vẫn còn tồn tại, trong trường hợp đó, người ấy vẫn phải đi tái sinh cho dầu người ấy không muốn.” (24)

तज्जन्मनो नैकविधस्य सौम्य तुष्णादयो हेतव इत्यवेत्य ।

तश्छिन्धि दुःखाद्यदि निर्मुमुक्षा कार्यक्षयः कारणसंक्षयाद्धि ॥ २५ ॥

"Do đó, này đệ thân, khi đã hiểu rằng các nguyên nhân gây nên việc tái sinh vô số kiếp là lòng tham ái, v.v... nếu đệ muốn thoát khỏi khổ đau, đệ còn phải đoạn tận những nhân ấy; bởi vì, do nhân bị hủy diệt mà quả bị hoại đi." (25)

दुःखक्षयो हेतुपरिक्षयाच्च शान्तं शिवं साक्षिकुरुष्व धर्म ।

तुष्णाधिरागं लयनं निरोधं सनातनं त्राणमह्यार्यमार्थं ॥ २६ ॥

"Nhờ vào sự hủy diệt hoàn toàn những nhân ấy mà khổ đau được tiêu diệt. Và đệ hãy chăm chú thực hành Giáo-pháp cao quý, tốt đẹp, và thanh tịnh, là sự thoát ly khỏi tham ái, là nơi nương nhờ, là sự tịch diệt, có tính chất vĩnh cửu, đồng thời là sự bảo vệ không bị ai tước đoạt." (26)

यस्मिन्न जातिर्न जरा न मृत्युर्न व्याधयो नाप्रियसंप्रयोगः ।

नेच्छाविषन्न प्रियविप्रयोगः क्षेमं पदं नैष्ठिकमच्युतं तत् ॥ २७ ॥

"Nơi ấy không có sự sanh, không có sự già, không có sự chết, và không có các thủ tật bệnh, cũng không có sự thân cận với những gì không thích thú, không có sự dố dẫm những điều ước muốn, không có việc phải chia lìa với những gì ưa thích; nơi ấy là chốn bình yên, toàn hảo, và không bị tiêu hoại." (27)

दीपो यथा निर्वृतिमभ्युपेतो नैवावर्ति गच्छति नान्तरिक्षं ।

दिशं न काचिद्धिदिशं न काचित्स्नेहक्षयात्केवलमेति शान्तिं ॥ २८ ॥

"Giống như ánh sáng của cây đèn khi bị tàn lụi không đi vào lòng đất, hoặc biến vào không gian, cũng không trú ở chốn nào, hoặc một chốn chuyển tiếp; ánh sáng ấy đi vào nơi yên tĩnh một cách đơn giản chỉ vì dầu đèn đã cạn." (28)

एवं कृती निर्वृतिमभ्युपेतो नैवावनिं गच्छति नान्तरिक्षं ।

दिशं न काचिद्दिशं न काचित्क्षेशक्षयात्केवलमेति शान्तिं ॥ २९ ॥

"Cũng như thế ấy, vị Thánh đạt đến sự Tịch-diệt không đi vào lòng đất hoặc biến vào không gian, cũng không trú ở chốn nào, hoặc một chốn chuyển tiếp; người đạt đến sự Tịch-tĩnh một cách đơn giản chỉ vì những sự ô nhiễm đã bị hủy diệt." (29)

अस्याभ्युपायोऽधिगमाय मार्गः प्रज्ञात्रिकल्पः प्रशमद्विकल्पः ।

स भावनीयो विधिवद्बुधेन शीले शुचौ विप्रमुखे स्थितेन ॥ ३० ॥

"Đạo lộ thích hợp để thành đạt sự Tịch-tĩnh có ba phần về trí tuệ, và hai loại về sự Tịch-tĩnh. Đạo lộ ấy cần được thực hành đúng phương pháp bởi người có trí tuệ, với sự kiên cố trong sự thanh tịnh của giới luật được gồm có ba phần chính." * (30)

वक्कर्म सम्यक् सहकायकर्म यथावदाजीवनपथ शुद्धः ।

इदं त्रयं वृत्तविधौ प्रवृत्तं शीलाश्रयं कर्मपरिग्रहाय ॥ ३१ ॥

"Các hành động thuộc về khẩu và các hành động của thân phải chính chắn, cũng như thế, phương thức nuôi mạng cần phải trong sạch; ba điều thực hành này thuộc về phương thức xử thế đặt trên nền tảng là Giới nhằm đưa đến việc giữ gìn các hành động."* (31)

सत्त्वेषु दुःखादिषु दृष्टिरार्या सम्यग्मितर्कश्च पराक्रमश्च ।

इदं त्रयं ज्ञानविधौ प्रवृत्तं प्रज्ञाश्रयं क्लेशपरिक्षयाय ॥ ३२ ॥

"Sự thấy biết cao thượng về các sự thật như là sự khổ đau, v.v..., sự suy tư đúng đắn, và sự nỗ lực; ba điều này thuộc về lãnh vực Tuệ đặt trên nền tảng là sự giác ngộ nhằm diệt tận những điều ô nhiễm."* (32)

न्यायेन सत्याभिगमाय युक्ता सम्यक् स्मृतिः सम्यग्वाचो समाधिः ।

इदं द्वयं योगविधौ प्रवृत्तं शमाश्रयं चित्तपरिग्रहाय ॥ ३३ ॥

"Để đạt đến chân lý theo đúng phương pháp, sự chú niệm đúng đắn được gắn liền với sự định tâm chính chắn; hai điều thực hành này thuộc về lãnh vực Định đặt trên nền tảng là sự an tĩnh nhằm đưa đến việc kiểm soát toàn diện về tâm." (33)

क्लेशाङ्कुरान् प्रतनोति शीलं बीजाङ्कुरान् काल इवातिवृत्तः ।

शुची हि शीले पुरुषस्य दोषा मनः सलज्जा इव धर्षयन्ति ॥ ३४ ॥

"Giới luật ngăn không cho những mầm mống phiền não xuất hiện, tương tự như thời tiết trái mùa vụ không kích thích hạt giống nảy mầm; bởi vì, những sự ô nhiễm dường như có sự ngần ngại, không dám xâm chiếm tâm của người có giới hạnh trong sạch." (34)

क्लेशास्तु विष्कम्भयते समाधिर्वेगानिवाद्विर्महतो नदीनां ।

स्थिते समाधौ हि न धर्षयन्ति दोषा भुजंगा इव मन्त्रवदाः ॥ ३५ ॥

"Những chính sự định tâm đã chặn đứng các điều ô nhiễm, giống như ngọn núi ngăn lại những dòng nước

àoạt của các dòng sông; bởi vì, các sự ô nhiễm, được ví như những con rắn đã bị thần chủ trái buộc, không thể xâm chiếm tâm đã an trú vào trạng thái định.” (35)

प्रज्ञा त्वशेषेण निहन्ति दोषास्तीरद्रुमान्प्रावृषि निम्नगेव ।

दग्धा यथा न प्रभवन्ति दोषा वज्राग्निनेवानुसृतेन वृक्षाः ॥ ३६ ॥

“Nhưng chính trí giác ngộ sẽ tiêu diệt các sự ô nhiễm một cách trọn vẹn, tương tự như dòng sông trong mùa mưa lũ cuốn trôi đi những cây cối mọc ở ven sông. Và các sự ô nhiễm, khi đã bị trí giác ngộ tiêu hủy, không còn sanh lên nữa, ví như những thân cây bị tia lửa của sét đánh trúng sẽ bốc cháy, không còn đâm chồi được nữa.” (36)

त्रिस्कन्धमेतं प्रविगाह्य मार्गं प्रस्पष्टमहाज्ञमहार्यमार्यं ।

दुःखस्य हेतुन्प्रजहाति दोषान्प्राप्नोति चात्यन्तशिर्वं पदं तत् ॥ ३७ ॥

“Một người khi đã bước vào Đạo-lộ gồm có ba phần chính và tám điều chi tiết có tính chất cao quý, trực chỉ, và không thể bị hủy hoại này, sẽ đoạn trừ được mọi ô nhiễm là nguyên nhân của khổ đau và sẽ đạt đến một vị thế vô cùng tốt đẹp.” (37)

अस्योपचारे धृतिराजंबं च हीरप्रमादः प्रविविक्ता च ।

अल्पेच्छता तुष्टिरसंगता च लोकप्रवृत्तावरतिः क्षमा च ॥ ३८ ॥

“Người thực hành đạo lộ này cần có những đức tính sau: kiên trì, chân thật, có liêm sỉ (có tâm), không lơ đãng (không dễ dãi), có chú tâm, ít ham muốn (thiểu dục), tự hào lòng, không tự hại, không vui thích các sinh hoạt của thế gian, và an tịnh.” (38)

याथात्म्यतो विन्दति यो हि दुःखं तस्योद्भवं तस्य च यो निरोधः ।

आर्येण मार्गेण स शान्तिमेति कल्याणमित्रैः सह वर्तमानः ॥ ३९ ॥

“Bởi vì, người nào hiểu được sự khổ đau từ trong bản chất thật sự của nó, nguồn gốc sanh khởi của nó, và sự tiêu hoại của nó, người ấy, nhờ đạo-lộ cao thượng này, cùng với các bạn hữu tốt lành, sẽ đạt thành sự Tịch-tĩnh.” (39)

यो व्याधितो व्याधिमवैति सम्यग् व्याधेर्निदानं च तदौषधं च ।

आरोग्यमाप्नोति हि सोऽचिरेण मित्रैरभिज्ञैरुपचर्यमाणः ॥ ४० ॥

“Người nào hiểu biết được căn bệnh một cách chính xác từ trên căn bệnh ấy, biết được nguyên do sanh lên căn bệnh, và phương thuốc chữa lành căn bệnh ấy, sẽ được lành mạnh trở lại một cách nhanh chóng; bởi vì, người ấy đang được săn sóc bởi những bạn hữu có trí tuệ.” (40)

तद्याधिसंज्ञां कुरु दुःखसत्ये दोषेष्वपि व्याधिनिदानसंज्ञां ।

आरोग्यसंज्ञां च निरोधसत्ये भैषज्यसंज्ञामपि मार्गसत्ये ॥ ४१ ॥

“Cho nên, đệ hãy có sự hiểu biết rằng căn bệnh ấy là thuộc về Khổ-đế, biết rằng nguyên nhân gây nên căn bệnh ấy thuộc về các sự ô nhiễm là Tập-đế, biết rằng sự không còn bệnh hoạn thuộc về Diệt-đế, và sự hiểu biết về phương thuốc trị bệnh là Đạo-đế.” (41)

तस्मात्प्रवृत्तिं परिगच्छ दुःखं प्रवर्तकानप्यवगच्छ दोषान् ।

निवृत्तिमागच्छ च तन्निरोधं निवर्तकं चाप्यवगच्छ मार्गं ॥ ४२ ॥

“Do đó, đệ phải thấy rõ rằng khổ đau là hậu quả, đồng thời biết được rằng các sự ô nhiễm là nguyên nhân gây nên. Và đệ cần phải đạt đến sự chấm dứt mọi khổ đau, tức là sự đình chỉ, đồng thời hiểu được rằng Đạo-lộ là điều kiện để đạt đến sự đình chỉ ấy.” (42)

शिरस्यथो वाससि संप्रदीप्ति सत्यावबोधाय मतिर्विचार्या ।

दग्धं जगत्सत्यनयं दृष्ट्वा प्रदहते संप्रति धस्यते च ॥ ४३ ॥

“Ngay trong lúc đầu óc và ý áo đang bị lửa thiếu sót, tâm trí cũng chỉ nên suy nghiệm ngộ hậu giác ngộ được Chân-lý; bởi vì người ở thế gian này, do không thấy được con đường dẫn đến chân lý nên đã bị thiếu sót ngay chính trong lúc này, trong thời quá khứ, và trong cả thời vị lai nữa.” (43)

यदैव यः पश्यति नामरूपं क्षयीति तद्दर्शनमस्य सम्यक् ।

सम्यक्च निर्वेदमुपैति पश्यन्नन्दीक्षयाच क्षयमेति रागः ॥ ४४ ॥

“Ngay vào lúc người ấy thấy được thân-tâm (danh và sắc) này đang biến hoại, sự hiểu biết của vị ấy là đúng đắn. Rồi trong khi có được sự hiểu biết đúng đắn như thế, vị ấy đạt đến sự không còn bị ràng buộc bởi thế gian nữa. Và nhờ vào sự đoạn trừ được tâm ham thích mà lòng ái luyến đi đến đoạn diệt.” (44)

तयोश्च नन्दीरजसोः क्षयेण सम्यग्विमुक्तं प्रवदामि चेतः ।

सम्यग्विमुक्तिर्मनसश्च ताभ्यां न चास्य भूयः करणीयमस्ति ॥ ४५ ॥

“Và ta tuyên bố rằng do sự hoại diệt của tâm ham thích và lòng ái luyến ấy, tâm được giải thoát một cách trọn vẹn. Khi tâm có được trạng thái hoàn toàn giải thoát

khỏi sự ham thích và lòng ái luyến, đối với vị ấy, không có một điều gì cần phải thực hành nữa." (45)

यथास्वभावेन हि नामरूपं तद्धेतुमेवास्तगमं च तस्य ।

विजानतः पश्यत एव चाहं ब्रवीमि सम्यक्क्षयमाश्रयाणां ॥ ४६ ॥

"Bởi vì, đối với người đã nhận thức và hiểu rõ bản chất thật sự của thân-tâm (danh và sắc) này, nguyên nhân sanh lên của chúng, luôn cả sự đi đến hoại diệt của chúng nữa, ta nói rằng người ấy đã thành tựu sự tận diệt hoàn toàn các giòng nước đưa đến tái sanh*." (46)

तस्मात्परं सौम्य विधाय वीर्यं शीघ्रं घटस्वास्रवसंक्षयाय ।

दुःखानन्तियाश्च निरात्मकाश्च धातून्विशेषेण परीक्षमाणः ॥ ४७ ॥

"Do đó, này đệ thân, hãy nỗ lực hết mình và chăm chú vào việc diệt trừ các sự ô nhiễm ngay lập tức. Đồng thời, đặc biệt suy xét rõ ràng những nhân tố có tính chất khó nắm, vô thường, và vô ngã." (47)

धातून्हि षड् भूसलिलानलादीन्सामान्यतः स्वेन च लक्षणेन ।

अवेति यो नान्यमवैति तेभ्यः सोऽत्यन्तिर्ह मोक्षमवैति तेभ्यः ॥ ४८ ॥

"Bởi vì, người nhận thức được sáu nhân tố* như đất, nước, lửa, v.v... một cách tổng quát cùng các đặc tính riêng của mỗi loại, đồng thời biết rằng không có gì khác ngoài sáu nhân tố ấy, người đó sẽ biết được sự thoát ly khỏi chúng một cách rành rẽ." (48)

क्लेशप्रहाणाय च निश्चितेन कालोऽभ्युपायश्च परीक्षितव्यः ।

योगोऽप्यकाले ह्यनुपायतश्च भवत्यनर्थाय न तद्गुणाय ॥ ४९ ॥

"Và người có quyết tâm đoạn trừ các sự ô nhiễm còn cần phải biết rõ thời điểm và phương pháp thực hành; bởi vì, ngay cả người tập thể dục, nếu không đúng lúc và sai phương pháp, chỉ đem lại tai họa chứ không đạt được hiệu quả trong việc thực hành." (49)

अज्ञातवत्सां यदि गां दुहीत नैवाप्नुयात्सीरमकालदोही ।

कालेऽपि वा स्यान्न पयो लभेत मोहेन शृङ्गाद्यदि गां दुहीत ॥ ५० ॥

"Nếu một người vắt sữa bò cái không ở vào thời kỳ sanh đẻ, không thể nào có được sữa bò, vì gã là người vắt sữa không đúng thời điểm. Hoặc đúng vào thời điểm chẳng nữa, nhưng bởi vì ngu dốt, anh ta cũng không thể có được sữa nếu vắt sữa ở sừng bò." (50)

आद्राच काष्ठाञ्ज्वलनाभिकामो नैव प्रयत्नादपि बहिमृच्छेत् ।

काष्ठाच्च शुष्कादपि पातनेन नैवाग्निमाप्नोत्यनुपायपूर्वं ॥ ५१ ॥

"Và một người muốn có lửa, không thể nào tạo ra ngọn lửa từ gỗ bị ẩm ướt, cho dù có cố gắng thế nào chẳng nữa; hoặc gỗ được khô ráo, nhưng anh ta cũng không có được ngọn lửa bằng cách ném gỗ xuống đất, vì làm như thế không đúng với truyền thống." (51)

तद्देशकालौ विधिवत्परीक्ष्य योगस्य मात्रामपि चाभ्युपायं ।

बलाबले चात्मनि संप्रधार्य कार्यः प्रयत्नो न तु तद्विरुद्धः ॥ ५२ ॥

"Do đó, sau khi đã suy xét một cách đúng đắn về trú xứ và thời điểm thích hợp, luôn cả phạm vi và phương pháp thực hành thiền định, vị ấy cần cân nhắc về ưu khuyết điểm của cá nhân rồi nên gắng công tu tập, và chớ nên thực hành những điều trái nghịch." (52)

प्रग्राहकं यत्तु निमित्तमुक्तमुद्धन्यमाने हृदि तन्न सेव्यं ।

एवं हि चित्तं प्रशमं न याति प्रवायुना वह्निरिवैर्यमाणः ॥ ५३ ॥

“Nhưng có vấn đề là trong lúc tâm đang bị khuấy động, việc nắm giữ đề mục tu tập là điều không nên thực hành; bởi vì, trong điều kiện như thế, tâm không thể đạt đến sự an tĩnh, tương tự như ngọn lửa đang bị thổi bùng lên bởi ngọn gió.” (53)

शमाय यत्स्यान्नियतं निमित्तं जातोद्भवे चेतसि तस्य कालः ।

एवं हि चित्तं प्रशमं नियच्छेत्प्रदीप्यमानोऽग्निरिवोदकेन ॥ ५४ ॥

“Và khi tâm có sự hưng phấn đang được sanh lên, đó là thời điểm mà đề mục tu tập cần được bám chặt nhằm đưa đến sự an tĩnh; bởi vì, trong điều kiện như thế, tâm có thể đạt đến sự an tĩnh, tương tự như ngọn lửa đang cháy sáng được làm tắt đi bởi nước.” (54)

शमावहं यन्नियतं निमित्तं सेव्यं न तचेतसि लीयमाने ।

एवं हि भूयो लयमेति चित्तमनीर्यमाणोऽग्निरिवाल्पसारः ॥ ५५ ॥

“Còn khi tâm đang ở trong trạng thái dờ dẩn, việc bám chặt vào đề mục để đạt đến sự an tĩnh là điều không nên thực hành; bởi vì, trong điều kiện như thế, tâm sẽ bị rơi trở lại vào trong trạng thái dờ dẩn, tương tự như một ngọn lửa đang bị lụi tàn, điều cần làm là thổi bùng lên trở lại.” (55)

प्रग्राहकं यन्नियतं निमित्तं लयं गते चेतसि तस्य कालः ।

क्रियासमर्थं हि मनस्तथा स्यान्मन्दायमानोऽग्निरिवेन्धनेन ॥ ५६ ॥

“Khi tâm đang bị rơi vào trạng thái đồ dẫn, đó là thời điểm mà đề mục tu tập cần được nắm giữ lại; bởi vì làm như vậy, tâm có thể định hướng lại mục tiêu đang cần được thực hành, tương tự như ngọn lửa đang tàn lụi cần được tiếp thêm nhiên liệu.” (56)

औपेक्षिकं नापि निमित्तमिष्टं लभ्यं गते चेतसि सोद्वे वा ।

एवं हि तीव्रं जनयेदनर्थं भुपेक्षितो व्याधिरिवातुरस्य ॥ ५७ ॥

“Khi tâm đang ở trong trạng thái đồ dẫn hoặc bị khuấy động, việc lơ là đề mục cũng không được xem là thích đáng; bởi vì thực hành như thế có thể đem lại sự thất bại lần nữa, tương tự như một người bệnh không được chăm sóc thì bệnh tình càng thêm trầm trọng.” (57)

यत्स्यादुपेक्षानियतं निमित्तं साम्यं गते चेतसि तस्य कालः ।

एवं हि कृत्याय भवेत्प्रयोगो रथो विधेयाश्च इव प्रयातः ॥ ५८ ॥

“Khi tâm đã đạt đến trạng thái bình thường, đó là thời điểm mà đề mục tu tập cần được quan sát tận tường; bởi vì, trong điều kiện như thế, sự thực hành có thể đạt được kết quả tốt, tương tự như một cỗ xe với ngựa đã được huấn luyện sẽ xuất phát lên đường.” (58)

रागोद्वेगव्याकुलितेऽपि चित्ते मैत्रोपसंहारविधिर्न कार्यः ।

रागात्मको मुह्यति मैत्रया हि स्नेहं कफक्षोभ इवोपयुज्य ॥ ५९ ॥

“Thêm nữa, khi tâm bị khuấy động bởi dục tình sanh khởi, phương thức tu tập gắn liền với tâm từ ái không nên thực hành; bởi vì, người có bản tánh thiên về dục tình sẽ bị hư hỏng do tâm từ ái, tương tự như việc bôi dầu sẽ làm cho người có bệnh đờm khó chịu.” (59)

रागोद्धते चेतसि धैर्यमित्य निषेवितव्यं त्वशुभं निमित्तं ।

रागात्मको ह्येवमुपैति शर्म कफात्मको रुक्षमिवोपयुज्य ॥ ६० ॥

"Khi tâm bị dục tình sanh khởi, cần phải cương quyết và nên áp dụng đề mục 'Bất tịnh'; bởi vì, người có bản tánh thiện về dục tình hành theo như vậy sẽ đạt đến sự an tịnh, tương tự như người bị bệnh đờm cần được tiếp cận với điều kiện khô ráo vậy." (60)

व्यापाददोषेण मनस्युदीर्घे न सेवितव्यं त्वशुभं निमित्तं ।

ह्येषात्मकस्य ह्यशुभा वधाय पित्तत्मनस्तीक्ष्ण इवोपचारः ॥ ६१ ॥

"Nhưng khi tâm bị khuấy động bởi sự ô nhiễm là ác tâm, không nên thực hành đề mục 'Bất tịnh'; bởi vì, đối với người có bản tánh thiện về sân hận, đề mục 'Bất tịnh' sẽ là sự hủy diệt, tương tự như người đã có tánh cáu gắt lại còn phải chịu đựng sự nóng nực." (61)

व्यापाददोषशुभिते तु चित्ते सेव्या स्वपक्षोपनयेन मैत्री ।

ह्येषात्मनो हि प्रशमाय मैत्री पित्तात्मनः शीत इवोपचारः ॥ ६२ ॥

"Và khi tâm bị khuấy động bởi sự ô nhiễm là ác tâm, nên thực hành đề mục Tâm tử với cách áp dụng tùy thuận vào quan điểm cá nhân; bởi vì, đề mục Tâm tử đem lại sự an tịnh cho người có bản tánh thiện về sân hận, tương tự như việc một người có tánh nóng nảy được ở gần nơi mát mẻ." (62)

मोहानुबद्धे मनसः प्रचारे मैत्राशुभा चैव भवत्ययोगः ।

ताभ्यां हि संमोहमुपैति भूयो वाय्वात्मको रुक्षमिवोपनीय ॥ ६३ ॥

"Và khi sự vận hành của tâm bị trọng thái sĩ mê ngự trị, đề mục Tâm tử hoặc 'Bất tịnh' đều không thích hợp; bởi vì người ấy càng thêm bị mê mờ bởi hai đề mục ấy. Tương tự như người có bản tánh chao động của gió, áp dụng phương thức cũng rắn chỉ làm gia tăng sự rối loạn cho vị ấy." (63)

मोहात्मिकायां मनसः प्रवृत्तौ सेव्यस्त्विदप्रत्ययताविहारः ।

मूढे मनस्येष हि शान्तिमार्गो वाय्वात्मके स्निग्ध इवोपचारः ॥ ६४ ॥

"Còn trong trường hợp tâm của người có bản tánh thiên về sĩ mê, sự suy nghiệm về nhân-quả nên được thực hành; bởi vì đó là đạo-lộ đưa đến sự an tịnh cho tâm bị mê mờ, cũng tương tự như việc áp dụng phương thức triu mến đối với người có bản tánh chao động của gió." (64)

उत्कामुसस्थं हि यथा सुवर्णं सुवर्णकारो धमतीह काले ।

काले परिप्रोक्ष्यते जलेन क्रमेण काले समुपेक्षते च ॥ ६५ ॥

"Bởi vì, giống như người thợ kim hoàn ở thế gian này đặt miếng vàng ở miệng của lò nung, rồi thổi bùng ngọn lửa vào đúng thời điểm, rắc nước vào đúng thời điểm, và đổ nguội vào đúng thời điểm, theo đúng phương pháp." (65)

दहेत्सुवर्णं हि धमन्नकाले जले क्षिपन्संशमयेदकाले ।

न चापि सम्यक् परिपाकमेनं नयेदकाले समुपेक्षमाणः ॥ ६६ ॥

"Bởi vì, nếu thổi bùng ngọn lửa không đúng thời điểm, người thợ kim hoàn có thể đốt cháy miếng vàng; nếu nhúng vào nước không đúng thời điểm có thể làm dẻo

miếng vàng; đồng thời nếu để cho miếng vàng nguội không đúng thời điểm, người ấy không thể nào làm cho miếng vàng đạt được điều kiện toàn hảo một cách đúng đắn được.” (66)

संग्रहस्य प्रशमस्य चैव तथैव काले समुपेक्षणस्य ।

सम्यग्निमित्तं मनसा त्वयेक्ष्यं नाशो हि यत्रोऽप्यनुपायपूर्वः ॥ ६७ ॥

“Và cũng như thế ấy, tùy vào thời điểm mà tâm cần nỗ lực để nắm giữ, để trú vào sự an tịnh, hoặc phải buông bỏ đề mục. Tuy nhiên, đề mục thích hợp cần được dụng tâm suy xét, bởi vì sự nỗ lực mà không có phương pháp đúng đắn chỉ là sự thất bại vậy.” (67)

इत्येवमन्यायनिवर्तनं च न्यायं च तस्मै सुगतो बभाषे ।

भूयश्च तत्तच्चरितं विदित्वा वितर्कहानाय विधीनुवाच ॥ ६८ ॥

Như vậy là những gì mà Đấng Thiện Thệ đã giảng giải cho Nanda về cách thực hành đúng đắn, hoặc buông bỏ những phương thức không thích hợp. Và do việc hiểu được tâm tánh của Nanda nên Ngài đã giảng giải thêm về những phương pháp nhằm mục đích thanh lọc tư tưởng: (68)

यथा भिषक् पित्तकफानिखानां य एव कोपं समुपैति दोषः ।

शमाय तस्यैव विधिं विधत्ते व्यधत्त दोषेषु तथैव बुद्धः ॥ ६९ ॥

- “Giống như một người thầy thuốc, tùy theo bệnh thuộc về phong, một, hay đàm, mà ấn định ra phương thức để chữa lành căn bệnh đã đem lại sự rối loạn ấy; cũng tương tự như thế, Đức Phật đã chỉ ra phương thức để đoạn trừ sự ô nhiễm.” (69)

एकेन कल्पेन स चेन्न हन्यात्स्वभ्यस्तभावादशुभान्वितकान् ।

ततो द्वितीयं क्रममारभेत न त्वेव हेयो गुणवान्प्रयोगः ॥ ७० ॥

“Nếu một người không thể nào đoạn trừ những tư tưởng không được tốt đẹp nhờ vào một phương thức nào đó, do bất thói quen đã được tích lũy lâu ngày; trong trường hợp như thế, người ấy cần tiến hành phương thức khác, chứ dứt khoát không nên buông bỏ sự thực hành quý báu này.” (70)

अनादिकालोपचितात्मकत्वाद्द्वितीयसः श्लेशगणस्य चैव ।

सम्यक्प्रयोगस्य च दुष्करत्वाच्चेतु न शक्याः सहस्रा हि दोषाः ॥ ७१ ॥

“Những sự ô nhiễm này khó có thể đoạn diệt một cách nhanh chóng, bởi vì các sự ô nhiễm này lại vô cùng mạnh mẽ do bản chất tự nhiên đã được huấn tập từ nhiều đời nhiều kiếp, đồng thời cũng do phương thức tu tập đúng đắn lại khó thực hành.” (71)

अण्व्या यथाण्या विपुलागिरन्या निर्यादते तद्विदुषा नरेण ।

तद्वत्तदेवाकुशलं निमित्तं क्षिपेन्नमित्तान्तरसेवनेन ॥ ७२ ॥

“Giống như việc một chàng trai thông minh dùng một cây cọc nhỏ để bẫy lên một cây cọc khác lớn hơn; cũng với tính chất ấy, bất cứ đề mục nào không có kết quả tốt thời hãy nên bỏ đi bằng cách sử dụng một đề mục khác vậy.” (72)

तथाप्यथाध्यात्मनवग्रहत्वान्नैवोपशाम्येदशुभो वितर्कः ।

हेयः स तद्दोषपरीक्षणेन सन्धापदो मार्ग इवाध्वगेन ॥ ७३ ॥

"Tuy nhiên, nếu tư tưởng không tốt đẹp ấy không thể nào làm cho lảng đi, bởi vì không thể nào dứt bỏ do bản tánh của cá nhân, tư tưởng ấy nên được đoạn trừ bằng cách suy xét về sự xấu xa của nó, ví như con đường có thú dữ thì người bộ hành nên lánh xa." (73)

यथा क्षुधातोऽपि विषेण पृक्तं जिजीविषुर्नेच्छति भोक्तुमन्नं ।

तथैव दोषावहमित्यवेत्य जहाति विद्वानशुभं निमित्तं ॥ ७४ ॥

"Giống như người muốn được sống sót nên không chịu ăn thức ăn đã bị trộn lẫn thuốc độc, cho dù bị cơn đói hành hạ; cũng tương tự như thế ấy, người thông minh từ bỏ đề mục không có hiệu quả, khi được biết rằng đề mục ấy đem lại sự thất bại." (74)

न दोषतः पश्यति यो हि दोषं कस्तं ततो वारयितुं समर्थः ।

गुणं गुणे पश्यति यश्च यत्र स वार्यमाणोऽपि ततः प्रयाति ॥ ७५ ॥

"Bởi vì, người nào lại có ý định dứt bỏ sự ô nhiễm khi người ấy không nhận thức được điều đó là xấu xa? Còn trong trường hợp một người đã nhận thức được điều tốt đẹp trong sự tốt đẹp của nó, người ấy sẽ thực hành theo cho dù có bị cản trở chẳng nữa." (75)

व्यपन्नपन्ते हि कुलप्रसूता मनःप्रचरैरशुभैः प्रवृत्तैः ।

कण्ठे मनस्वीव युवा वपुष्मानचाक्षुषैरप्रयतैर्विषक्तैः ॥ ७६ ॥

"Và những người sanh ra từ gia đình danh giá thường hổ thẹn bởi những biểu hiện không tốt đẹp trong sự vận hành của tâm; cũng tương tự như thế, những người có thân hình đẹp đẽ, có ý tử, sẽ hổ thẹn khi ở trên cổ có những vật xấu xí và luộm thuộm." (76)

निर्भूयमानास्त्वथ लेशतोऽपि तिष्ठेयुरेवाकुशला वितर्काः ।

कार्यान्तरैरध्ययनक्रियाद्यैः सेव्यो विधिर्विस्मरणाय तेषां ॥ ७३ ॥

“Nhưng trong trường hợp những tư tưởng tốt đẹp ấy, tuy đã bị loại bỏ nhưng vẫn còn lưu lại, mặc dầu chút ít, phương thức nên thực hành là không quan tâm đến chúng nữa bằng những hành động khác như là học kinh kệ, hoặc lao tác, v.v...” (77)

स्वस्तव्यमप्येव विचक्षणेन कायक्लमो वापि निषेवितव्यः ।

न त्वेव संचिन्त्यमसन्निमित्तं यत्रावसक्तस्य भवेदनर्थः ॥ ७४ ॥

“Với người có tâm nhìn bao quát, chẳng thờ ơ ngủ một giấc hoặc làm một việc gì khó nhọc, nhưng không bao giờ an trú tâm vào một đề mục không thích hợp; bởi vì, điều tai hại có thể sanh khởi trong khi gần bỏ với đề mục như thế.” (78)

यथा हि भीतो निशि तस्करेभ्यो द्वारं प्रियेभ्योऽपि न दातुमिच्छेत् ।

प्राज्ञस्तथा संहरति प्रयोगं समं शुभस्याप्यशुभस्य दोषैः ॥ ७५ ॥

“Giống như một người sợ hãi bọn trộm cướp, không muốn mở cửa nhà vào ban đêm cho dù là người quen đã nữa; cũng tương tự như thế, người có trí tuệ tránh né sự liên tưởng đến những tư tưởng xấu xa, và ngay cả những tư tưởng tốt đẹp nhưng lại có sự liên hệ với các sự ô nhiễm.” (79)

एवंप्रकारैरपि यद्युपायैर्निवार्यमाणा न पराङ्मुखाः स्युः ।

ततो यथास्थूलनिबर्हणेन सुवर्णदोषा इव ते प्रहेयाः ॥ ८० ॥

“Mặc dù với những sự thực hành như thế, và trong khi đang nỗ lực đoạn trừ bằng nhiều phương pháp, nếu những ô nhiễm ấy vẫn không chịu biến đi, thì hãy nên quên lãng chúng đi; tương tự như những khuyết tật của thái vàng cần được loại ra bằng cách cắt bỏ toàn bộ những phần còn nhiễm đất bụi.” (80)

द्रुतप्रयाणप्रभृतींश्च तीक्ष्णात्कामप्रयोगात्परिस्वियमानः ।

यथा नरः संश्रयते तथैव प्राज्ञेन दोषेष्वपि वर्तितव्यं ॥ ८१ ॥

“Giống như trường hợp một người đàn ông, khi bị quấy nhiễu do sự ám ảnh của những cơn dục tình dữ dội, liền xử dụng đến phương pháp đi thật nhanh; cũng tương tự như thế ấy, người có trí tuệ nên áp dụng phương pháp này để đối trị với các ô nhiễm ấy.” (81)

ते चेदलब्धप्रतिपक्षभावा नैवोपशाम्येपुरसद्धितर्काः ।

मुहूर्तमप्यप्रतिवध्यमाना गृहे भुजंगा इव नाधिवास्याः ॥ ८२ ॥

“Nếu những tư tưởng không tốt đẹp ấy không có cách nào làm lắng dịu do không tìm được phương thức đối trị thích hợp, không nên để chúng trong tâm trí cho dù chỉ một phút chốc; tương tự như những con rắn, không nên để chúng trú ẩn ở trong nhà.” (82)

दन्तेऽपि दन्तं प्रणिधाय कामं तालवधमुत्पीडय च जिह्वयापि ।

चित्तेन चित्तं परिगृह्य चापि कार्यः प्रयत्नो न तु तेऽनुवृत्ताः ॥ ८३ ॥

“Hãy nên cắn chặt hai hàm răng lại với nhau, đồng thời dùng lưỡi áp chặt vào đỉnh của vòm miệng, và dùng tâm để áp chế tâm. Hãy cố gắng ra sức, tuy nhiên, chưa hẳn luồng tư tưởng ấy đã chịu tòng phục.” (83)

किमत्र चित्रं यदि वीतमोहो वनं गतः स्वस्थमना न मुञ्चेत् ।

आक्षिप्यमाणो हृदि तन्निमित्तैर्न क्षोभ्यते यः स कृती स धीरः ॥ ८४ ॥

“Trong trường hợp này, có nghịch lý chẳng nếu một người không điên khùng đi vào rừng sống với một tâm tư bình thản lại bị xảy ra ảo tưởng ? Trong lúc tâm đang bị xâm chiếm bởi những hiện tượng như thế ấy mà người đó không bị hoảng hốt, người ấy phải là người có bản lãnh và vững chãi.” (84)

तदार्यसत्याधिगमाय पूर्वं विशोधयानेन नयेन मार्गं ।

यात्रागतः शत्रुविनिग्रहार्थं राजेव लक्ष्मीमजिता जिगीषन् ॥ ८५ ॥

“Do đó, khi dẫn thân vào việc tu tập nhằm chứng đạt được Chân-lý cao thượng, trước tiên đạo-lộ cần phải được làm cho trong sạch bằng một phương thức như thế ấy; cũng tương tự như việc một vị quân vương, mong muốn chiến thắng và đạt được sự vinh quang vô địch, cần phải xuất binh nhằm mục đích trấn áp quân thù trước đó.” (85)

एतान्प्रणयान्प्रभितः शिवानि योगानुलूलान्यजनेरितानि ।

कायस्य कृत्वा प्रविवेकमात्रं ज्ञेशप्रहाणाय भजस्व मार्गं ॥ ८६ ॥

“Những khu rừng này, tử bề đều tốt đẹp, không người lai vãng, và thuận lợi cho việc tu tập. Hãy tìm một nơi hiu quạnh để trú thân, rồi thực hành đạo-lộ để dứt bỏ mọi sự ô nhiễm.” (86)

कौण्डिन्यनन्दकुमिलानिरुद्धास्तिथ्योपसेनौ विमलोऽथ राघः ।

वाष्पोत्तरौ धौतकिमोहराजौ कात्यायनद्रव्यपिलिन्दवत्साः ॥ ८७ ॥

“Cóc vj có tên Kaundinya, Nanda, Kṛmila, Aniruddha, Tiṣya Upasena, Vimala, và Rādha, Vāṣpa và Uttara, Dhautaki và Moharāja, Kātyāyana, Dravya, Pilindavatsa,” (87)

भदालिभद्रायणसर्पदाससुभृतिगोदत्तसुजातवत्साः ।

संग्रामजिद्वद्रजिदश्वजिच श्रोणश्च शोणश्च स कोटिकर्णः ॥ ८८ ॥

“Bhaddali, Bhadrāyana, Sarpadāsa, Subhūti, Godatta, Sujāta, Vatsa, Saṅgrāmajit, Bhadrājīt, Aśvajit, Śroṇa, Soṇa Kotikarṇa,” (88)

क्षेमाजितो नन्दकनन्दमाते उपालिवागीशयशोयशोदाः ।

महाह्वयो वल्कलिराष्ट्रपालौ सुदर्शनस्वागतमेघिकाश्च ॥ ८९ ॥

“Kṣemā, Ajita, Nandaka và mẹ của Nanda, Upali, Vagīśa, Yaśa, Yaśoda, Mohāhvaya, Valkali và Rāṣṭrapāla, Sudarśana, Svāgata, và Meghika,” (89)

स कष्किनः काश्यप औरुविल्वो महामहाकाश्यपतिष्यनन्दाः ।

पूर्णश्च पूर्णश्च स पूर्णकश्च शोनापरान्तश्च स पूर्ण एव ॥ ९० ॥

“Kaṣṭhina, Kāśyapa, Auruvilva, Mahamahākāśyapa, Tiṣya, Nanda, Pūrṇa, Pūrṇa, Pūrṇaka, và luôn cả Pūrṇa Śonāparānta,” (90)

शारद्वतीपुत्रसुबाहुचुन्दाः कोन्देयकाप्यभृगुकुण्डधानाः ।

सशैबलौ रेवतकौष्ठिलौ च मौद्गल्यगोत्रश्च गवांपतिश्च ॥ ९१ ॥

"Śāradvatiputra, Subāhu, Cunda, Kondeya, Kāpya, Bhṛgu, Kuṇṭhadhāna, hỡi anh em Sakaivala, Revata và Kauṣṭhila, Maudgalyāyana, và Gavāmpati." (91)

यं विक्रमं योगविधावकुर्वन्स्तमेव शीघ्रं विधिवत्कुरुष्व ।

ततः पदं प्राप्स्यसि तैरवाप्तं सुखावृत्तेस्त्वं नियतं यशश्च ॥ ९२ ॥

"Các vị ấy đã nỗ lực tiến tu trong thiền định như thế nào, để hãy cấp tốc nỗ lực thực hành phương pháp tu tập giống y như thế ấy. Rồi để sẽ đạt được kết quả và sự vẻ vang muôn thuở mà các vị ấy đã chững ngọ và bây giờ đang sống trong sự an lạc." (92)

द्रव्यं यथा स्यात्कटुकं रसेन तचोपयुक्तं मधुरं विपाके ।

तथैव वीर्यं कटुकं श्रमेण तस्यार्थसिद्धया मधुरो विपाकः ॥ ९३ ॥

"Giống như một món ăn, có thể có vị chua chát, nhưng khi ăn vào lại có sự thuận lợi cho việc tiêu hóa; tương tự như thế, việc nỗ lực với sự vất vả thì khổ sở thật, nhưng kết quả sẽ được tốt đẹp do việc hoàn thành mục đích của bản thân." (93)

वीर्यं परं कार्यकृतौ हि मूलं वीर्यादृते काचन नास्ति सिद्धिः ।

उदेति वीर्यादिह सर्वसंपन्निवीर्यता चेत्सकलश्च पाप्मा ॥ ९४ ॥

"Bởi vì, sự nỗ lực là nguyên nhân quan trọng nhất trong việc tiến hành một công việc hữu ích; nếu không có sự nỗ lực, không có bất cứ việc gì được hoàn tất. Ở thế gian này, mọi sự thành đạt được sanh lên đều nhờ vào sự nỗ lực; và nếu không có sự nỗ lực, kết quả sanh lên sẽ bị tồi tệ." (94)

अलब्धस्यालभो नियतमुपलब्धस्य विगम-

स्तथैवात्मावज्ञा कृपणमधिकेभ्यः परिभवः ।

तमो निस्तेजस्त्वं श्रुतिनियमतुष्टियुपरमो

नृणां निर्बीयाणां भवति विनिपातश्च भवति ॥ ९५ ॥

"Đối với người không có sự nỗ lực, điều chắc chắn là sẽ không có sự thành tựu của những việc chưa thành tựu, và có sự hủy hoại của những việc đã được thành tựu; đồng thời còn có sự hổ thẹn chính mình, sự khốn khó, sự chèn bai từ các vị trưởng thượng, sự sầu thảm, sự mất mát về thể diện, sự gián đoạn về học tập, và sự đổ vỡ của niềm hoan hỷ, luôn cả sự chán nản toàn diện." (95)

नयं श्रुत्वा शक्तो यदयमभिवृद्धिं न लभते

पवं धर्मं ज्ञात्वा यदुपरि निवासं न लभते ।

गृहं त्यक्त्वा मुक्तौ यदयमुपशान्तिं न लभते

निमित्तं कौसीद्यं भवति पुरुषस्यात्र न रिपुः ॥ ९६ ॥

"Sau khi đã học tập phương pháp, nhưng một người vẫn không đủ khả năng để đạt được sự tiến bộ trong tu tập; hoặc đã hiểu được Giáo-pháp cao thượng nhưng người ấy vẫn không đạt được sự an trú trong Giáo-pháp; hoặc đã lìa bỏ gia đình nhưng người ấy vẫn không đạt được an tịnh trong sự giải thoát; trong những trường hợp này, vấn đề không phải là do kẻ thù mà là sự biếng nhác của người ấy." (96)

अनिक्षितोत्साहो यदि खनति गां वारि लभते

प्रसक्तं व्यामग्नं ज्वलन्मरणिभ्यां जनयति ।

प्रयुक्ता योगे तु ध्रुवमुपलभन्ते श्रमफलं

द्रुतं नित्यं यान्त्यो गिरिमपि हि भिन्दन्ति सरितः ॥ ९७ ॥

"Một người có sức mạnh bền bỉ đào đất sẽ có được nước, trong khi liên tục cọ sát những khúc gỗ sẽ làm cho ngọn lửa sanh lên, và những người bền chí gần bó trong việc tu tập sẽ đạt được thành quả của sự lao khổ; bởi vì, những dòng sông liên tục chảy xiết sẽ xói mòn thậm chí cả một ngọn núi." (97)

कृष्ट्वा गां परिपाल्य च श्रमशतैरश्रोति सत्यश्रियं

यत्नेन प्रविगाह्य सागरजलं रत्नश्रिया कीदृति ।

शत्रूणामवधूय वीर्यमिषुभिर्भुङ्क्ति नरेन्द्रश्रियं

तद्दीर्घं कुरु शान्तये विनियतं वीर्यं हि सर्वहृदयः ॥ ९८ ॥

"Sau khi cày đất và chăm sóc với muôn phần khó nhọc, người ấy sẽ thu hoạch một vụ mùa tốt đẹp, sau khi nỗ lực lặn xuống biển cả, người ấy sẽ hân hờ với sự rộ rỡ của châu báu, sau khi làm cho sự dưng cảm của kẻ thù bị tiêu tan, người ấy sẽ vui hưởng sự vẻ vang của một vị quân vương; do đó, để hãy nỗ lực kiên quyết một cách bền bỉ nhắm mục đích là sự Tịch-tĩnh, bởi vì tất cả mọi thành công đều ở trong sự quyết tâm." (98)

सौन्दरनन्दे महकव्य आर्यसत्यव्याख्यानो नाम षोडशः सर्गः ।

Chương thứ mười sáu

"Thuyết giảng về Chân-lý cao thượng"
của bộ trường thi "Saundarananda"